

Số: 269/KH-THPTMTT

Ngã Năm, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2045/QĐ-BGDĐT, ngày 01 tháng 8 năm 2024 ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 3935/BGDĐT- GDTrH, ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024- 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ngày 06 tháng 8 năm 2024 ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024 -2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Công văn số 2514/SGD&ĐT-GDTrH ngày 27/8/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Sóc Trăng về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-THPTMTT, ngày 26 tháng 02 năm 2021 về Kế hoạch chiến lược phát triển trường trung học phổ thông Mai Thanh Thế giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 218/KH-THPTMTT, ngày 05 tháng 11 năm 2021 Kế hoạch Nâng cao chất lượng giáo dục trung học của trường THPT Mai Thanh Thế giai đoạn 2021-2025 của trường THPT Mai Thanh Thế;

Căn cứ Nghị Quyết số 81 -NQ/ĐU, ngày 20 tháng 02 năm 2023, Nghị Quyết Chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục học sinh đầu vào các trường Đại học, Cao đẳng đến năm 2025 của Đảng ủy Trường trung học phổ thông Mai Thanh Thế;

Trên cơ sở Báo cáo số 179/BC-THPTMTT, ngày 23/5/2024 về Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024 của trường THPT Mai Thanh Thế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 01/9/2024 của Hội đồng trường về quyết nghị một số chỉ tiêu cơ bản năm học 2024 - 2025 của trường THPT Mai Thanh Thế;

Căn cứ vào tình hình thực tế, nay trường trung học phổ thông Mai Thanh Thế xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đề ra phương hướng và giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 – 2025, cụ thể như sau:

II. BỐI CẢNH, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo từ Sở Giáo dục Đào tạo (GDĐT) đến Thị ủy, UBND Thị xã và được sự hỗ trợ của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 1.

Cha mẹ học sinh ngày càng quan tâm đến việc học của con em.

Đường giao thông cũng thuận lợi cho học sinh đi đến trường.

Chi hội khuyến học, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, hiệu quả, thúc đẩy và hỗ trợ tốt cho hoạt động dạy – học của giáo viên và học sinh.

Giáo viên đạt trình độ trên chuẩn khá cao và hầu hết giáo viên đều sử dụng máy vi tính là điều kiện thuận lợi để nâng chất lượng dạy học.

Đại đa số giáo viên đều nhiệt tình trong công tác, yêu nghề, tận tụy với học sinh và ngày càng vững về tay nghề.

1.2. Khó khăn

Kinh tế địa phương có phát triển nhưng chưa cao, thu nhập người dân còn thấp.

Khu vực dân cư chưa tập trung, địa bàn cư trú của học sinh rộng.

Còn nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên rất dễ dẫn đến việc bỏ học đi làm thuê phụ giúp gia đình hoặc nghỉ học phụ giúp gia đình khi vào vụ mùa, điều kiện học tập còn nhiều hạn chế.

Vẫn còn một số học sinh do cha mẹ đi làm ăn xa không sống chung để giáo dục các em nên vẫn còn chưa có ý thức tự giác trong học tập.

Một số phụ huynh vẫn chưa quan tâm lắm và chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường để giáo dục học sinh.

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh

Đảm bảo về cơ sở vật chất, xây dựng và sửa chữa các dãy phòng học, bổ sung thêm bàn ghế cho học sinh. Có 03 phòng thực hành dạy học - thí nghiệm và 04 phòng tin học, đáp được nhu cầu dạy và học theo hướng đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học.

Phần lớn đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên: nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất

lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

100% đạt chuẩn, có 23/74 cán bộ, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn chiếm 44,59% trong đó có 02 nghiên cứu sinh và 03 giáo viên đăng ký đi học trong những năm tiếp theo, dự kiến mỗi năm có từ 1 đến 2 giáo viên theo học cao học; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý tốt; được sự tín nhiệm cao của giáo viên, phụ huynh và học sinh.

Trường có trang web riêng luôn được bảo trì, nâng cấp và cập nhật thông tin đúng, đủ, kịp thời đến toàn thể giáo viên học sinh và phụ huynh.

Sử dụng phần mềm vnedu trong công tác quản lý học sinh và liên lạc với phụ huynh thông qua tin nhắn điện tử.

Giáo viên sử dụng các phần mềm soạn giảng, ra đề kiểm tra, chấm trắc nghiệm.

Đa số học sinh chăm ngoan, tích cực trong học tập và tham gia các hoạt động phong trào; tham gia nhiều cuộc thi do ngành Giáo dục phát động đạt được nhiều thành tích cao.

Phân lớn cha mẹ học sinh rất quan tâm chăm lo đến việc học tập và rèn luyện của học sinh, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức và quản lý con em học tập tại nhà

Nhà trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý, công khai tài chính minh bạch, rõ ràng, đầy đủ theo đúng quy định.

Việc chi trả chế độ cho giáo viên và học sinh đúng theo quy định hiện hành;

Có kế hoạch năm, kế hoạch tháng và thực hiện giảng dạy bám sát nội dung trong kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ và nội dung quy định;

2.2. Điểm yếu

Chưa có nhà thi đấu đa năng, diện tích sân chơi bãi tập hẹp, bàn ghế hội trường chưa được khang trang, chưa đáp ứng được nguyện vọng và nhu cầu sử dụng của giáo viên;

Không có cán bộ chuyên trách và thiếu thiết bị, hóa chất thí nghiệm nên còn hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng thiết bị.

Chất lượng, hiệu quả dạy và học những năm gần đây có tiến bộ song so với mặt bằng chung vẫn còn thấp, kết quả thi TN THPT và tuyển sinh ĐH-CĐ chưa ổn định, kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh và quốc gia còn thấp so với các trường lớn trong tỉnh.

Một số ít giáo viên còn chậm, ngại đổi mới phương pháp giảng dạy nên khó khăn trong công tác áp dụng các hình thức đổi mới hoạt động dạy; một số giáo viên còn lúng túng trong việc thực hiện đổi mới phương pháp và kiểm tra đánh giá, thực hiện đổi mới phương pháp chưa đồng bộ; một số bộ môn giáo viên chưa đặt hết tâm huyết và chưa phát huy hết năng lực chuyên môn;

Vẫn còn hạn chế giữa một số phần mềm quản lý học sinh và chưa sử dụng tốt hệ thống văn bản điều hành.

Học sinh chủ yếu con em nông dân, địa bàn vùng sâu kinh tế khó khăn nên việc học hành chưa được gia đình chăm lo đúng mức. Bên cạnh những học sinh chịu khó học tập rèn luyện thì còn không ít học sinh chưa nỗ lực trong học tập, phần đầu rèn luyện.

Tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm cao trung bình năm; Học sinh có học lực Yếu - Kém mỗi năm vẫn còn.

Nguồn kinh phí còn hạn hẹp chủ yếu là từ ngân sách, chỉ để chi trả lương, không có các khoản thưởng cuối năm.

Kinh phí phục vụ công tác bồi dưỡng rèn luyện học sinh giỏi còn hạn chế.

3. Định hướng xây dựng nhà trường

3.1. Phương châm tổng quát

Các em hãy tự hào về nhà trường hôm nay, nhà trường sẽ tự hào về các em mai sau.

Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường.

3.2. Về hoạt động dạy học và đội ngũ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình phù hợp với trường trung tâm thị xã, tiếp cận kịp thời giáo dục hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

Phần đầu xây dựng nhà trường trở thành trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, trường nằm trong top 5 trường trong tỉnh có học sinh đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo có đạo đức, phẩm chất, trình độ chuyên môn, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học, đáp ứng nhu cầu vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức. Đảm bảo đủ giáo viên cho tất cả các môn học và có 30% giáo viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên.

3.3. Hoạt động giáo dục tổng thể

Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

3.4. Phương châm hành vi, kỹ năng

3.4.1. Phương châm hành vi

- Xin chào;
- Xin phép;
- Xin lỗi;
- Xin cảm ơn;
- Xin góp ý!

3.4.2. Phương châm giáo dục kỹ năng

- Chuẩn bị bài tốt nhất trước khi đến lớp.
- Xếp bàn ghế, đồ dùng trong lớp ngăn nắp
- Nhớ lau bảng sau mỗi tiết học.
- Nhớ thu gom rác bỏ đúng nơi quy định.
- Nhớ tắt hết thiết bị điện, khi không sử dụng

4. Tình hình học sinh, giáo viên

4.1. Số học sinh đầu năm

Tổng số		Khối 10		Khối 11		Khối 12		Hoàn cảnh			Dân tộc		
Lớp	Học sinh	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Nghèo	Cận Nghèo	Mồ côi Khuyết tật	TS	Khmer	Hoa
33	1387	11	476	12	475	10	436						

4.2. Tình hình đội ngũ

4.2.1. Lãnh đạo trường

TT	Chức vụ	Trình độ				Ghi chú
		Chuyên môn	Chính trị	NN	Tin học	
1	Hiệu trưởng	ThS. QLGD	Cao cấp	3/6	NC	
2	Phó Hiệu trưởng	ThS. QLGD	Trung cấp	3/6	NC	
3	Phó Hiệu trưởng	ThS. Ngữ văn	Trung cấp	3/6	NC	

4.2.2. Đội ngũ giáo viên

TT	Chuyên ngành	Số giáo viên	Trđộ CM	Chính trị	NN	Tin học	Ghi chú
----	--------------	--------------	---------	-----------	----	---------	---------

		Hiện Có	NC tối thiểu	Thừa	Thiếu	ThS	ĐH	TrC	A,B	C	A,B	NC	
1	Toán	14	9	5		6	8	6	13	1	11	2	
2	Ngữ văn	8	8			5	3	2			7	1	
3	Tiếng Anh	5	6,0		1	1	4	1			5		
4	Lịch sử	4	4			1	3	1	3	1	1	3	
5	Vật lý	8	5	3		4	4	1	5	3	4	4	
6	Hoá học	4	4			1	3	1	3	ĐH	4		
7	Sinh học	4	3			1	3	2	3	1	1	3	
8	Tin học	5	4			2	3	2	4	ĐH	5		
9	Địa lí	1	3		2		1	3	1		1		
10	GDKT&PL	3	3		1		2	1	2		1	1	
11	Cnghe TK	1	1				1		1				
12	Cnghe TT	1	1				1	1	1		1		
13	TD	4	4				4		3	1	3	1	
14	QP	2	2				2						
15	TNHN		6										
16	GDDP		2										
17	CN		8										
18	SHT		2										
19	BTĐT		2										
20	Chuyên đề tự chọn bắt buộc		6										
Tổng cộng		65											

4.2.3. Nhân viên, người lao động

TT	Nhân viên	Định mức	Hiện có	Trình độ CM	Ghi chú
1	Văn thư	1	1	Trung cấp	
2	Kế toán	1	1	Trung cấp	
3	Thư viện	1	1	Trung cấp	
4	Y tế	1	0		
5	Thiết bị TN	1	0		
6	CNTT	1	0		
7	Bảo vệ	2	2		

8	Tạp vụ	1	1		
9	Giáo vụ	1	0		
Tổng		10	6		

Lãnh đạo: (01 Hiệu trưởng, 02 phó Hiệu trưởng). Có 03 đạt trình độ trên chuẩn.

Nhân viên: 06 (01 văn thư, 01 kế toán, 01 nhân viên thư viện, 02 bảo vệ, 01 tạp vụ).

Giáo viên: 65 giáo viên (chuẩn là 2,25 GV/lớp). Nhu cầu 74 giáo viên thiếu môn Địa lí 02, 8 giáo viên tham gia hoạt động khác.

Chất lượng đội ngũ (Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên 74)

Trình độ chuyên môn: NCS 02, Thạc sĩ 21, Đại học 43, Trung cấp 3, THPT 01, THCS 02.

Trình độ Lý luận Chính trị - Hành chính 22: 01 Cao cấp, 21 TC, 05 SC.

Ngoại ngữ: 71, trình độ B, C, B1 và 02 đại học

Tin học: 71

5. Chất lượng dạy học, giáo dục và các hoạt động khác

5.1. Chất lượng – hiệu quả dạy học năm học 2023 – 2024

5.1.1. Hoạt động dạy học

- Kết quả rèn luyện (khối 10,11)

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	12	479	451	94,15	25	5,22	3	0,63	0	0
11	10	438	413	94,29	24	5,48	1	0,23	0	0
Cộng	22	917	864	94,22	49	5,34	4	0,44	0	0

- Hạnh kiểm (khối 12)

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
12	10	416	397	95,43	18	4,33	1	0,24		

- Kết quả học tập (khối 10, 11)

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
10	12	479	165	34,45	213	44,47	100	20,88	1	0,21
11	10	438	209	47,72	200	45,56	29	6,62	0	0
Cộng	22	917	374	40,79	413	45,04	129	14,07	1	0,11

- Học lực (khối 12)

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
12	10	416	228	55,05	177	45,05	11	2,64	A			

- Nhận xét:

+ Kết quả rèn luyện (khối 10, 11)

Khối 10, 11 xếp loại tốt chiếm tỷ lệ 94,22%, không có học sinh xếp loại không đạt.

Khối 12: hạnh kiểm khối 12 tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá tốt đạt 99%.

+ Kết quả học tập (khối 10, 11)

Khối 10, 11: xếp loại tốt tỷ lệ 40,79%; khá tỷ lệ 45,04%, đạt tỷ lệ 14,07% và còn 01 trường hợp chưa đạt chiếm tỉ lệ 0,11%

Khối 12: xếp loại Giỏi tỷ lệ 55,05%; khá tỷ lệ 45,05%, trung bình tỷ lệ 2,64%; không có học sinh xếp loại yếu.

5.1.2. Kết quả cuộc thi TNTHPT, thi học sinh giỏi

Học sinh Tốt nghiệp THPT năm 2024 là 417/417 đạt 100%.

Học sinh giỏi cấp tỉnh 27 giải: 10 giải nhì, 10 giải ba, 07 giải khuyến khích;

Thi học sinh giải Toán trên máy tính cầm tay: đạt 01 giải nhì, 02 giải ba, 01 giải khuyến khích.

Tham gia Giai điệu tuổi Hồng đạt giải Khuyến khích toàn đoàn.

5.1.3. Hoạt động các cuộc thi sáng tạo KHKT, STTTN- Nhi đồng

Thi STKHKT: Có 2 sản phẩm thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật dự thi chung khảo kết quả được công nhận;

Thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên nhi đồng Tỉnh: 2 giải ba, 2 khuyến khích, cấp thị xã 2 giải ba, 3 KK.

5.2. Kết quả- hiệu quả các hoạt động giáo dục

Tham gia Điền kinh học sinh phổ thông cấp tỉnh xếp thứ hạng từ thứ 4 toàn đoàn trở lên.

Tham gia Hội thao Quốc Phòng An ninh xếp thứ 4 toàn Đoàn có 02 học sinh thi học sinh giỏi Quốc gia, đạt giải nhì và giải 3.

5.3. Kết quả chung của trường

5.3.1. Thành tích cá nhân, của giáo viên, nhân viên

Lao động tiên tiến 69 cá nhân;

Chiến sĩ thi đua cơ sở 27 người;

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh là 05 người;

5.3.2. Thành tích chung của tập thể

- Trường: Tập thể Lao động xuất sắc- Được tặng Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh.

- Công đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- Đoàn thanh niên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- Đảng bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

3.1. Mục tiêu chung

1. Thực hiện chủ đề năm học 2024-2025 “*Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo*”.

2. Thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục trung học, tổ chức tốt các phong trào thi đua. Tăng cường công tác tư vấn, hướng dẫn, giám sát, thanh tra, kiểm tra.

3. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018¹ (CTGDPT 2018) đối với tất cả các khối lớp, bảo đảm chất lượng và hoàn thành chương trình năm học. Chuẩn bị tổ chức đánh giá tổng kết việc triển khai thực hiện CTGDPT 2018 giai đoạn 2020-2025.

4. Tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp lớp, đội ngũ hiện có và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 và công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cuối năm 2024.

5. Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018; chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên để tổ chức dạy học các môn học trong Chương trình.

6. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho học sinh, đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nâng cao chất lượng giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học của học sinh.

7. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và sau trung học phổ thông (THPT).

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị và giảng dạy, triển khai ứng dụng công nghệ số trong dạy và học, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

9. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

3.2. Mục tiêu giáo dục của nhà trường

3.2.1. Chỉ tiêu từng bộ môn

TT	Môn học	Điểm trung bình được tính tỷ lệ theo khối	Ghi
----	---------	---	-----

¹ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành CTGDPT, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong CTGDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT

		Giỏi 8 -10			Khá 6.5-<8			TB 5.0-6.4			Yếu 3.5-4.9			Kém 0-3.4			chú
		10	11	12	10	11	12	10	11	12	10	11	12	10	11	12	
1	Toán	38	29	56	33	45	31	28	25	11	2	0,5					
2	Vật lí	47,7	47	36	36	30	57	16	12	7	0,3						
3	Hóa học	38	62	76	37	28	25	24	10	1	0,5						
4	Sinh học	57	69,5	92	36	21	7,5	7	9,5	0,5							
5	Tin học	86	75	96	12	24	4	2	1								
6	Ngữ văn	40	43	40	42	54	55	28	3	5							
7	Lịch sử	62	73	79	30	20	19	8	3	2							
8	Địa lí	63	81	87,5	32	18	12	5,5	1		0,5		0,5				
9	T. Anh	12	16	16	33	40	49	50	42	34	5	2	1				
10	GDKT&PL	55	83	90	44	16	10	1	1								
11	CNTK	64		83	36		17										
12	CNTT		90	90		10	10										
13	QP AN	95	97	98	5	3	2										
14	GDTC	Đạt 100%															
15	TN-HN	Đạt 100%															
16	GDDP	Đạt 100%															

3.2.2. Kết quả học tập và rèn luyện hạnh kiểm học sinh

3.2.2.1. Xếp loại học tập cả năm

Khối	Tổng số HS	Kết quả xếp loại học tập cuối năm học %				Ghi chú
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
10	476	41	46	13	0	
11	475	48	46	6	0	
12	436	51	47	2	0	

- Xếp loại rèn luyện cả năm: 95% học sinh xếp loại Tốt – Khá;
- Tỷ lệ học sinh giảm không quá 1,0 %.
- Tỷ lệ học sinh TNTHPT 100%.
- Điểm Trung bình các môn thi TNTHPT từ bằng đến lớn hơn điểm bình quân của tỉnh.
- Thi học sinh giỏi cấp tỉnh: trên 27 giải.
- Có học sinh vào đội tuyển thi học sinh giỏi Quốc gia;
- Có sản phẩm dự thi Sáng tạo KHKT;

3.2.3. Danh hiệu cá nhân, mục tiêu phân đấu

- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 10
- GV chủ nhiệm giỏi cấp trường: 06 giáo viên.
- Có ít nhất 02 giáo viên thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

3.2.4. Các danh hiệu tập thể

- Trường: Danh hiệu tập thể xuất sắc
- Công đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Đoàn thanh niên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Đảng bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3.3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục – Sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường (Đăng website trường)

Thông báo số 156/TB-THPT.MTT, ngày 06 tháng 5 năm 2024 Danh mục sách giáo khoa lớp 10, 11 và 12 giảng dạy tại trường THPT Mai Thanh Thế theo Chương trình GDPT 2018, năm học 2024-2025

3.4. Thời lượng giáo dục

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc (06)	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Tiếng Anh	105
	Lịch sử	52,5
	Giáo dục thể chất	70
	GDQP và AN	35
Môn học lựa chọn (3 nhóm)		
Nhóm môn khoa học xã hội (02 môn)	Địa lí	70
	GD kinh tế và pháp luật	70
Nhóm môn khoa học tự nhiên (3 môn)	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật (4 môn)	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Âm nhạc	70
	Mĩ thuật	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 môn cụm chuyên đề)		105

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Hoạt động GD bắt buộc	Hoạt động TN, HN	105
Nội dung GD bắt buộc của địa phương		35
Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
GVCN kiêm nhiệm (Chỉ tính GVCN làm công tác GD)		132
Tổng số tiết học/năm học		997,5
Tổng số tiết lớp được		1129,5
Số tiết học TB/tuần (không kể các môn học tự chọn)		28,5

3.4. Số lượng học sinh học chuyên đề tự chọn và cụm chuyên đề

3.4.1. Số lượng học sinh học môn tự chọn bắt buộc khối 10

TT	Lớp	Sĩ số	Số học sinh học môn lựa chọn bắt buộc								Ghi chú Cụm chuyên đề
			Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Địa lí	GDKT & PL	CNTK	CNTT	
1	10A1	45	45	45	45	45					Toán, Vật lí, Tin học
2	10A2	45	45	45	45	45					Toán, Vật lí, Tin học
3	10A3	45	45	45	45	45					Toán, Vật lí, Tin học
4	10A4	45	45	45	45	45					Toán, Vật lí, Tin học
5	10A5	41	41	41	41			41			Toán, Vật lí, Ngữ văn
6	10A6	43	43	43	43			43			Toán, Vật lí, Ngữ văn
7	10A7	43	43	43	43		43				Toán, Vật lí, Ngữ văn
8	10A8	45	45	45	45		45				Toán, Vật lí, Ngữ văn
9	10A9	40	40				40	40	40		Toán, Vật lí, Ngữ văn
10	10A10	42	42				42	42	42		Toán, Vật lí, Ngữ văn
11	10A11	42	42				42	42	42		Toán, Vật lí, Ngữ văn
Tổng		476	479	353	353	180	216	208	124		

3.4.2. Số lượng học sinh học môn tự chọn bắt buộc khối 11

TT	Lớp	Sĩ số	Số học sinh học môn lựa chọn bắt buộc								Ghi chú Cụm chuyên đề
			Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Địa lí	GDKT & PL	CNTK	CNTT	
1	11A1	43	43	43	43	43					Toán; Vật lí, Tin học
2	11A2	39	39	39	39	39					Toán; Vật lí, Tin học
3	11A3	39	39	39	39	39					Toán; Vật lí, Tin học

4	11A4	40	40	40	40	40					Toán; Ngữ văn, Tin học
5	11A5	40	40	40	40	40					Toán; Ngữ văn, Tin học
6	11A6	37	37	37	37		37				Toán, Ngữ văn, Vật lí
7	11A7	36	36	36	36		36				Toán, Ngữ văn, Vật lí
8	11A8	43	43			43	43	43			Toán, Ngữ văn, Tin học
9	11A9	41	41			41	41	41			Toán, Ngữ văn, Tin học
10	11A10	40	40			40	40	40			Toán, Ngữ văn, Tin học
11	11A11	41		41	41			41		41	Toán, Ngữ văn, CNTT
12	11A12	36		36	36			36		36	Toán, Ngữ văn, CNTT
Tổng		476	400	352	352	327	197	200		77	

3.4.3. Số lượng học sinh học môn tự chọn bắt buộc khối 12

TT	Lớp	Sĩ số	Số học sinh học môn lựa chọn bắt buộc								Ghi chú Cụm chuyên đề
			Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Địa lí	GDKT & PL	CNTK	CNTT	
1	12A1	43	43	43		43		43			Toán, Ngữ văn, Vật lí
2	12A2	41	41	41		41		41			Toán, Ngữ văn, Vật lí
3	12A3	43		43	43		43		43		Toán, Ngữ văn, CNTK
4	12A4	42		42	42			42		42	Toán, Ngữ văn, GDKTP
5	12A5	45	45			45	45		45		Toán, Ngữ văn, Lịch sử
6	12A6	45	45			45	45		45		Toán, Ngữ văn, Lịch sử
7	12A7	42	42			42	42		42		Toán, Ngữ văn, Lịch sử
8	12A8	46			46		46	46		46	Toán, Ngữ văn, Lịch sử
9	12A9	48			48		48	48		48	Toán, Ngữ văn, Lịch sử
10	12A10	41		41	41	41	41				Toán, Ngữ văn, Lịch sử
Tổng		436	217	210	221	258	312	221	176	137	

3.5. Số lượng học sinh học môn cụm chuyên đề

TT	Môn	Khối 10 – 479		Khối 11 – 476		Khối 12 - 438		Toàn trường		Ghi chú
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
1	Ngữ văn	299	62,42	353	74,16	438	100,00	1090	78,25	Nhóm bắt buộc
2	Toán	479	100,00	476	100,00	438	100,00	1393	100,00	
3	Tiếng Anh									

4	Lịch sử					228	16,37	228	16,37	
5	GDTC									
6	GDQP & AN									
7	Vật lí	479	100	196	41,17	84	19,18	759	54,49	Nhóm từ chọn
8	Hoá học									
9	Sinh học					126	28,77	126	2,07	
10	Địa lí									
11	GDKT&PL									
12	CNTK									
13	CNTT									
14	Tin học	180	37,58	327	68,70			507	36,40	
15	Âm nhạc									
16	Mĩ thuật									

3.6. Khung kế hoạch giáo dục của nhà trường *(Phụ lục kèm theo)*

IV. CÁC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Thực hiện CTGDPT bảo đảm chất lượng, hiệu quả

1.1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường² phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của đơn vị, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đồng thời lưu ý thêm một số nội dung sau:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường thể hiện việc huy động đầy đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của nhà trường trong kế hoạch giáo dục của các môn học, hoạt động giáo dục.

Xây dựng phân phối chương trình các môn học Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế để phát huy hiệu quả năng lực đội ngũ giáo viên của nhà trường³.

Đối với các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp THPT: tổ chức tốt việc tư vấn và cho học sinh đăng kí, lựa chọn các môn học, chuyên đề học tập lựa chọn bảo đảm công khai, minh bạch phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường; tích hợp nội dung giáo dục quyền con người; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nội dung giáo dục pháp luật về

² Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 1212/SGDĐT-GDTrH ngày 16/6/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023.

³ Công văn số 2846/SGDĐT-GDTrH ngày 03/11/2023 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT.

an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyên đổi và các nội dung giáo dục lồng ghép khác.

Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục tăng cường phụ đạo cho học sinh còn hạn chế về kết quả học tập;

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025: tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc CTGDPT 2018, đồng thời duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục, tập luyện; tổ chức và tham gia thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh.

1.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh bảo đảm chất lượng, dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên.

Đa dạng các hình thức tổ chức dạy học (trong và ngoài lớp học, trong và ngoài khuôn viên nhà trường), khuyến khích các hình thức dạy học nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội nghị chuyên đề trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của CTGDPT 2018; Tổ chức Hội thảo chuyên môn Ngữ văn và môn tiếng Anh.

Tổ chuyên môn tổ chức nghiên cứu xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, trong đó có nghiên cứu kết hợp sử dụng nguồn học liệu từ các bộ sách giáo khoa khác, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn của Sở GDĐT⁴; môn Lịch sử, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học môn Lịch sử.

⁴ Công văn số 1532/SGDĐT-GDTrH ngày 25/7/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

Tăng cường đẩy mạnh triển khai thực hiện giáo dục STEM và nghiên cứu khoa học trong trường trung học bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Trong đó, đa dạng hình thức tổ chức hoạt động giáo dục STEM, chú trọng hoạt động ngoài nhà trường theo hướng liên kết, phối hợp với các cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương cho học sinh trải nghiệm thực hiện đề tài, sản phẩm STEM với hình thức xã hội hóa giáo dục. *Trong năm học 2024-2025, Tổ chuyên môn có ít nhất 01 (một) bài dạy STEM và có ít nhất 01 (một) dự án để tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường.*

1.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh theo đúng quy định⁵, không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình, lưu ý một số nội dung như: xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập.

Đối với môn Ngữ văn, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn⁶. Đối với môn Lịch sử, tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện một cách máy móc.

Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp THPT⁷. Môn Toán và môn Vật lí, xây dựng ít nhất ngân hàng đề kiểm tra online.

Việc kiểm tra, đánh giá cụm chuyên đề học tập lựa chọn của cấp THPT được thực hiện theo khoản 3, Điều 6 tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi nhận vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh thuộc học kì khi kết thúc dạy học cụm chuyên đề học tập.

Đối với học sinh chuyển đổi môn học thực hiện theo hướng dẫn của Sở GDĐT⁸. tổ chức kiểm tra, đánh giá việc tự bổ sung kiến thức, kỹ năng của học sinh theo nội dung, yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình môn học tính đến thời điểm kiểm tra và được thực hiện tương tự như bài kiểm tra, đánh giá định kì. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh, tại cột Ghi chú của môn học, thuộc học kì II; đồng thời ghi vào Học bạ tại ô “Kết quả học tập, rèn luyện trong hè”, ghi rõ thông tin: Điểm kiểm tra chuyển đổi sang môn ... “số điểm” và lưu trữ đầy đủ các kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá việc tự bổ sung kiến thức, kỹ năng của học sinh.

1.4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp nhà trường tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo

⁵ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

⁶ Công văn số 1532/SGDĐT-GDTrH ngày 25/7/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

⁷ Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

⁸ Công văn số 80/SGDĐT-GDTrH ngày 16/01/2023 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn chuyển đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp trung học phổ thông.

viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp cấp trung học phổ thông⁹.

Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau THCS và sau THPT theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường trung học; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh trung học.

⁹ Kế hoạch số 1907/KH-SGDĐT ngày 11/9/2019 về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” (Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 17/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

1.5. Các hoạt động giáo dục khác của nhà trường (Có kế từng hoạt động cụ thể sau)

1.5.1. Tham gia các hoạt động giáo dục do Sở - ngành tổ chức

TT	Nội dung hoạt động	Thời gian	Thành phần	Phối hợp – tham mưu
	Tham gia Hội thi GVCN giỏi cấp tỉnh		Trường	CĐCS
	Hội thao GDQP-AN	T – 12	Trường	Tổ TD -QPAN
	Tham gia cuộc thi sáng tạo do một số trường ĐH tổ chức		TCM	ĐTN
	Tham gia cuộc Thi Giải toán MTCT	T – 12	Trường	Tổ Toán
	Tham gia cuộc thi KHKT cấp tỉnh	T- 01	Trường	TCM- ĐTN
	Tham gia sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, cấp thị xã, cấp tỉnh		Trường	TCM- ĐTN
	Giải Điền kinh, Bơi và Bóng rổ cấp tỉnh	T-3	Trường	Tổ TD-QPAN
	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh	17/5		
	Thi tuyển sinh 10	6		
	Thi TNTHPT năm 2025	26– 27/6		

1.5.2. Hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức

TT	Nội dung hoạt động	Thời gian	Thành phần	Phối hợp – tham mưu
	Tổ chức tuần lễ đầu năm	T- 8	Trường	ĐTN
	Tuyên truyền an toàn giao thông	T- 9	Trường	Công an TX
	Tổ chức hoạt động Hội thao cấp trường	T- 9	Trường	Tổ TD -QPAN
	Tổ chức thi giáo viên GVCN giỏi	T- 9	Trường	CĐCS
	Tổ chức cho học sinh viết thư, cảm ơn ông, bà, cha mẹ, thầy, cô	T- 10	Tổ Ngữ văn	ĐTN
	Tổ chức hoạt động chào mừng 20/11	T- 11	Trường- CĐCS	TCM- ĐTN
	Tham gia cuộc thi KHKT cấp trường	T- 11	Trường	TCM- ĐTN
	Tổ chức Hướng nghiệp cho học sinh tại thành phố Đà Lạt - dự kiến tháng cuối tháng 12 năm 2024 (XHH);	T – 12	Trường	ĐTN- GVCN- GVD TN-HN
	Chuyên đề Phòng cháy- chữa cháy	T -01	Trường	Công an TX
	Tuyên truyền Phòng chống Ma túy – tệ nạn xã hội	T - 01	Trường	Công an TX
	Tổ chức sáng tạo thanh thiếu niên nhi		Trường	TCM- ĐTN-

	đồng, cấp trường			Thầy Nhí
	Văn nghệ MĐ –MX 02/2024	T- 2	ĐTN	GVCN
	Tổ chức hoạt động đối thoại với học sinh	T- 2	Trường	ĐTN
	Tổ chức hoạt động TN-HN khu vực ĐBSCL, di tích và trường ĐH tháng 01 (XHH), Ngày Hội báo tuổi trẻ.	T- 03	Trường	ĐTN- GVCN- GVD TN-HN
	Tổ chức giải bóng chuyền chào mừng ngày thành lập Đoàn Nam bóng da, nữ bóng chuyền hơi (XHH)	T-3	ĐTN	GVCN
	Tổ chức giải Bóng đá chào mừng sinh nhật Bác.(XHH)	T- 4	Tổ TD-QPAN	ĐTN
	Tổ chức lễ Tri ân và trưởng thành (XHH)	T 6	ĐTN	GVCN 12

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học

2.1. Phát triển trường, lớp

Phát triển mạng lưới trường, lớp gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học. Tiếp tục đầu tư nguồn lực xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục đổi mới mô hình tổ chức và quản lý hoạt động của trường đáp ứng mục tiêu phát triển năng khiếu về một số môn học cho học sinh đạt kết quả tốt trong rèn luyện và học.

2.2. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo chuẩn đào tạo quy định tại Luật Giáo dục 2019; rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục từ đó tham mưu cấp quản lý xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng.

Thường xuyên rà soát, đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học, hoạt động giáo dục; phát huy hiệu quả đội ngũ giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý;

2.3. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

Phát huy cao nhất vai trò tự chủ về chuyên môn của giáo viên, trong việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định. Giáo viên tham dự tập huấn sử dụng sách giáo khoa đầy đủ.

Triển khai dạy học nội dung giáo dục của địa phương đúng quy định trên cơ sở Tài liệu giáo dục địa phương đã được Bộ GDĐT phê duyệt. Tổ chức giảng dạy theo hướng dẫn của Sở GDĐT¹⁰. Hằng năm, Sở GDĐT tổ chức tập huấn cho giáo viên thực hiện Nội dung giáo dục địa phương theo theo lộ trình CTGDPT 2018¹⁰.

¹⁰ Công văn số 98/SGDĐT-GDTrH ngày 18/01/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Nội dung giáo dục địa phương từ năm học 2021-2022; Công văn số 2011/SGDĐT-GDTrH ngày 20/9/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Nội dung giáo dục địa phương năm học 2022-2023; Công văn số 2875/SGDĐT-GDTrH ngày 06/11/2023 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Nội dung giáo dục địa phương năm học 2023-2024.

2.4. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để có thể tổ chức dạy học nhiều hơn 06 buổi/tuần, bảo đảm chủ động, linh hoạt thực hiện chương trình. Chú trọng rà soát, bổ sung thiết bị dạy học và khai thác, bảo quản, sử dụng thiết bị hiệu quả, tránh lãng phí. Khuyến khích giáo viên và học sinh tự làm đồ dùng học tập để phục vụ trong các hoạt động dạy học.

Tiếp tục phát triển học liệu số để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Giáo viên tiếp tục phát triển và khai thác hiệu quả kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử thiết bị dạy học điện tử trên các website¹¹. Khai thác hiệu quả phương tiện dạy học như ti vi, máy tính, để hỗ trợ trong tiết dạy tạo hứng thú và tập trung sự chú ý của học sinh.

3. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục

Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lý tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

3.1. Thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường¹² và công khai đối với hoạt động giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân¹³; các quy định về quản lý thu chi trong cơ sở giáo dục đặc biệt là các nguồn đóng góp từ xã hội hoá giáo dục.

1. Tích cực tham mưu, góp ý xây dựng, điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ và Kế hoạch số 390/KH-BGDĐT ngày 22/4/2024 của Bộ GDĐT¹⁴.

2. Đẩy mạnh quản trị hoạt động dạy học và giáo dục gắn liền với quản trị nhân sự, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tài chính thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Giao quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong việc quản lý kế hoạch giáo dục cá nhân và kế hoạch bài dạy của giáo viên, bảo đảm chất lượng, thiết thực, hiệu quả. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của từng đơn vị.

3. Tăng cường chuyển đổi số trong dạy học và quản lý, thực hiện hiệu quả việc tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Tổ chức triển khai tốt việc chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường; tập trung chỉ đạo thực hiện việc chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh¹⁵.

¹¹ <https://igiaoduc.vn>.

¹² Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

¹³ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

¹⁴ Kế hoạch của Bộ GDĐT triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới CT, SGK GDPT.

¹⁵ Kế hoạch số 665/KH-SGDĐT ngày 28/3/2023 của Sở GDĐT tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 28/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

4. Thực hiện chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên kiểm soát chặt chẽ nội dung, không để xuất bản phẩm tham khảo có nội dung vi phạm chủ quyền biển đảo, truyền thống văn hoá, thuần phong mỹ tục của Việt Nam đưa vào sử dụng trong dạy học.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục trong giáo dục trung học gắn với việc tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra, chương trình giáo dục tích hợp.

6. Tham gia các kì thi, cuộc thi bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định. Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT và các kì thi; theo hướng dẫn của Sở GDĐT và Bộ GDĐT.

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông: khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các kết quả hoạt động của ngành; các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ các cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

8. Tăng cường công tác kiểm tra: công tác triển khai thực hiện CTGDPT 2018; việc dạy thêm, học thêm; công tác quản lý hoạt động dạy học;

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

Chỉ đạo, phối hợp, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo từng tuần, tháng, học kỳ, năm học.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường hằng tháng, học kỳ, năm học.

Ban hành các quyết định về nhân sự, tài chính để nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, thành lập các ban chỉ đạo khi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy định, thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm học.

Xây dựng và triển khai các kế hoạch đến từng CB-GV-NV trong hội đồng sư phạm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách tổ chức thực hiện.

Thực hiện công khai tất cả các hoạt động của nhà trường để phối hợp với địa phương, phụ huynh học sinh nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục.

Chú trọng đầu tư kinh phí cho các hoạt động trải nghiệm, tham quan thiên nhiên...

2. Đối với Phó Hiệu trưởng (Có phân công nhiệm vụ cụ thể riêng)

Phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động chuyên môn dạy học và sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, phụ trách cơ sở vật chất thiết bị dạy học. Tham mưu Hiệu trưởng và quản lý các tổ nhóm chuyên môn của nhà trường. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ trường học, kiểm tra hoạt động sư phạm, thực hiện quy chế chuyên môn, sinh hoạt tổ chuyên môn, tăng cường kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học, phòng học bộ môn;

Phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyển đổi số và ứng dụng Công nghệ thông tin các hoạt động giáo dục. Tham mưu Hiệu trưởng và quản lý tổ văn phòng, thư viện nhà trường, các hoạt động trải nghiệm, các chuyên đề; ứng dụng

CNTT và sử dụng các phương tiện hiện đại trong dạy học; các hoạt động giáo dục

3. Đối với các Đoàn thể trong nhà trường

3.1. Đối với Công đoàn trường

Phối hợp vận động các bộ, giáo viên tham gia các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức;

Theo dõi đôn đốc cán bộ, giáo viên nhân viên trường tích cực tham gia;

Phối hợp khen thưởng gương điển hình trong phong trào thi đua của trường của ngành.

3.2. Đối với Đoàn thanh niên trường

Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các phong trào có liên quan, tham mưu đề xuất thực hiện những kế hoạch có hiệu quả.

Tích cực vận động tham gia các phong trào của Đoàn, của trường tổ chức.

Theo dõi đôn đốc, phát huy những gương người tốt, việc tốt trong phong trào thi đua của trường của lớp.

4. Đối với Tổ trưởng chuyên môn

Phát huy vai trò của tổ trưởng tổ chuyên môn, phụ trách các bộ phận trong việc tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả.

Sau mỗi học kỳ tổ trưởng chuyên môn tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm, điều chỉnh bổ sung kế hoạch, nội dung và cách thức thực hiện.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn theo từng tuần, tháng, học kỳ, năm học.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần 01 lần để phát triển đội ngũ nhà giáo và nâng cao chất lượng giáo dục môn học.

5. Đối với giáo viên, nhân viên

Xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục giáo viên theo tuần, tháng, học kỳ, năm học.

Xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo thời khóa biểu và kế hoạch của nhà trường.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tỉnh Sóc Trăng, kế hoạch giáo dục của trường.

Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng và tham gia sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

6. Chế độ thông tin báo cáo

Thiết lập đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo đúng quy định, sử dụng lưu trữ và bảo quản.

Các phó Hiệu trưởng hàng tháng báo cáo nội dung phụ trách cho Hiệu trưởng, đề xuất hướng giải quyết khó khăn, vướng mắc.

Các tổ chuyên môn, bộ phận thông tin kịp thời những khó khăn hoặc nhiệm vụ phát sinh về lãnh đạo nhà trường theo nội dung phụ trách.

Theo dõi thông kê, tổng hợp và báo cáo kịp thời các mặt hoạt động của nhà trường cho Hiệu trưởng và cấp trên.

Tất cả các bộ phận trong nhà trường khi được phân công thực hiện nhiệm vụ, nếu gặp khó khăn vướng mắc phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định và tham mưu đề xuất hướng giải quyết cụ thể hoặc xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, yêu cầu các Phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các thành viên trong bộ phận chỉ đạo mình hoàn thành nhiệm vụ năm học 2024 - 2025; các bộ phận trong nhà trường chủ động phát huy sự cộng tác và phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học. Các tổ trưởng chuyên môn, đề xuất các giải pháp với lãnh đạo để kịp thời giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GD & ĐT (để báo cáo)
- Các Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Tổ trưởng chuyên môn (để thực hiện);
- Các Đoàn thể (để phối hợp);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Trần Ngô Quyền